

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **180/2017/DS-PT**
Ngày 12-12-2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Dũ**

Các Thẩm phán: Ông **Phạm Hùng Nuôi**

Ông **Nguyễn Văn Ngọt**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Vinh** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diệu Hiền** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2017/ TLPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2017, về việc “ tranh chấp hợp đồng vay tài sản ”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 50/2017/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân thị xã X, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 250/2017/QĐ-PT ngày 15 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1944; cư trú tại khóm Z, phường Y, thị xã X, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt).

- Bị đơn: Bà **Hồ Thu H** (tên gọi khác Hồ Thị H), sinh năm 1974; cư trú tại khóm Z, phường Y, thị xã X, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông **Tổng Phước D** (tên gọi khác Tổng Văn Dũng), sinh năm 1973; cư trú tại khóm Z, phường Y, thị xã X, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt).

- Người kháng cáo: Bà Hồ Thu H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 01/6/2017 của nguyên đơn Nguyễn Thị Đ và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Vào ngày 25/11/2016, bà và bà Hồ Thu H có thỏa thuận làm giấy xác nhận bà H nợ bà số tiền 222.000.000 đồng, bà H hứa sẽ trả góp cho bà mỗi ngày 400.000 đồng và phải trả lãi là 3%/tháng. Bà H góp được 04 ngày với số tiền 1.600.000 đồng, sau đó bà H xin góp mỗi ngày 200.000 đồng và góp được 03 ngày với số tiền 600.000 đồng, tổng số tiền bà H góp cho bà là 2.200.000 đồng, còn thiếu lại số tiền 219.800.000 đồng. Bà có đến nhà bà H đòi nợ nhiều lần nhưng bà H chỉ hứa hẹn mà không có thực hiện việc trả nợ cho bà, do vậy bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Hồ Thu H và chồng là ông Tống Phước D trả số tiền vốn cho bà là 219.800.000 đồng và đóng lãi 3%/tháng, thời gian tính lãi từ ngày 25/12/2016 cho đến khi xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu tính lãi và không yêu cầu ông Tống Phước D có trách nhiệm liên đới trả nợ. Đồng thời, chỉ yêu cầu bà H trả số tiền vốn 204.000.000 đồng.

Theo biên bản lấy lời khai của Tòa án nhân dân thị xã X lập ngày 17/8/2017, và tại phiên tòa sơ thẩm bà Hồ Thu H và ông Tống Phước D thống nhất trình bày:

Bà H có nợ bà Nguyễn Thị Đ số tiền 219.800.000 đồng, sau đó bà đã trả góp cho bà Đ số tiền khoảng 14.000.000 đồng, bà không nhớ chính xác số tiền đã trả, nhưng bà xác nhận hiện nay chỉ còn thiếu của bà Đ số tiền 204.000.000 đồng. Bà H làm “Tờ thỏa thuận” lập ngày 25/11/2016 với bà Đ về số tiền nợ 222.000.000 đồng và bà H có ký tên vào giấy này. Hiện tại hoàn cảnh bà H đang gặp khó khăn nên xin trả nợ cho bà Đ mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt số nợ 204.000.000 đồng và yêu cầu bà Đ không tính tiền lãi. Số tiền nợ nêu trên, là nợ tiền giữa bà H với bà Đ hai bên tự thỏa thuận kết nợ với nhau, ông D không có liên quan đến khoản nợ này, nên ông D không đồng ý cùng chịu trách nhiệm cùng bà H trả nợ cho bà Đ.

Sự việc được Tòa án nhân dân thị xã X thụ lý, giải quyết. Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 50/2017/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 đã quyết định:

Căn cứ Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tuyên xử:

1/. Buộc bà Hồ Thu H có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền là 204.000.000 đồng (*hai trăm lẻ bốn triệu đồng*).

Để đảm bảo quyền lợi của bà Đ khi thi hành án, kể từ ngày bà Đ có đơn yêu cầu thi hành án số tiền nêu trên, phía bà H còn phải chịu tiền lãi do chậm thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

2/. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ về việc yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ nêu trên và yêu cầu ông Tống Phước D có trách nhiệm liên đới cùng bà Hồ Thu H thanh toán tiền nợ nêu trên.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 13/10/2017 bà Hồ Thu H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, và yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà trả nợ dần cho bà Nguyễn Thị Đ với số tiền là 1.000.000 đồng mỗi tháng cho đến khi hết số tiền mà bà thiếu bà Đ. Cấn trừ tiền lãi suất vượt mức quy định mà bà đã đóng cho bà Đ là 450.000.000 đồng vào nợ gốc 204.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ không rút đơn khởi kiện, bị đơn bà Hồ Thu H giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng và xin rút lại một phần kháng cáo về yêu cầu cấn trừ 450.000.000 đồng tiền lãi đã đóng vào nợ gốc 204.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát là trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng chấp hành pháp luật về tố tụng. Riêng ông Tống Phước D vắng mặt không có lý do, các đương sự đồng ý xét xử vắng mặt ông D và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút một phần kháng cáo của bị đơn, căn cứ vào khoản 2 Điều 284 và khoản 1 Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phần rút kháng cáo về cấn trừ số tiền lãi 450.000.000đ. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và áp dụng 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về thủ tục tố tụng:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn chấp hành tốt theo giấy triệu tập của Tòa án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Tống Phước D vắng mặt không có lý do. Các đương sự, Kiểm sát viên đề nghị xét xử vắng mặt ông D vì không có liên quan đến việc kháng cáo của bị đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 296 của BLTTDS quyết định xét xử vắng mặt ông D theo thủ tục chung.

Xét đơn kháng cáo của bị đơn Hồ Thu H về hình thức còn trong hạn luật định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

* Về nội dung:

[2] Đối với yêu cầu kháng cáo của bà Hồ Thu H về việc xin cho bà trả nợ dần cho bà Nguyễn Thị Đ với số tiền là 1.000.000 đồng mỗi tháng cho đến khi hết số tiền mà bà thiếu bà Đ. Xét thấy, theo Tờ thỏa thuận lập ngày 25-11-2016 (Bút lục 14) bà Hồ Thu H đã xác nhận là bà H còn thiếu bà Nguyễn Thị Đ với số tiền là 222.000.000 đồng nên bà phải có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ gốc lẫn lãi cho bà Đ, mặc dù bà Nguyễn Thị Đ đã giảm số nợ xuống còn 204.000.000 nhưng bà Hồ Thu H vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ của mình nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến hạn theo quy định tại Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Bên cạnh đó, tại phiên tòa phúc thẩm bà Nguyễn Thị Đ cũng không đồng ý với yêu cầu kháng cáo này của bà Hồ Thu H, nên yêu cầu kháng cáo của bà H Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu cản trừ tiền lãi suất vượt mức quy định mà bà H đã đóng cho bà Đ trong 30 tháng là 450.000.000 đồng (của số tiền vay 100.000.000 đồng) vào nợ gốc 204.000.000 đồng.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị đơn H rút lại yêu cầu kháng cáo này. Căn cứ vào khoản 2 điều 284, khoản 1 Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phần rút yêu cầu kháng cáo của bị đơn H.

[4] Lời đề nghị của Kiểm sát viên có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận và bản án sơ thẩm vẫn được giữ nguyên cho nên người kháng cáo phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 312 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Hồ Thu H;

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm 50/2017/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của Tòa án nhân dân thị xã X, tỉnh Sóc Trăng. Án sơ thẩm tuyên như sau:

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tuyên xử:

1/. Buộc bà Hồ Thu H có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền là 204.000.000 đồng (*hai trăm lẻ bốn triệu đồng*).

Để đảm bảo quyền lợi của bà Đ khi thi hành án, kể từ ngày bà Đ có đơn yêu cầu thi hành án số tiền nêu trên, phía bà H còn phải chịu tiền lãi do chậm thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả.

2/. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ về việc yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ nêu trên và yêu cầu ông Tổng Phước D có trách nhiệm liên đới cùng bà Hồ Thu H thanh toán tiền nợ nêu trên.

3/. Án phí phúc thẩm dân sự: Bà Hồ Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng, theo các biên lai thu số 0008046 ngày 17/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã X, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà Hồ Thu H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Hiệu lực Bản án phúc thẩm: Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thị xã X;
- Chi cục THADS TX X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Văn Dũ